

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 336/QĐ-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2008/QĐ-BTC ngày 20/9/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Quản lý Giá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 của Bộ Tài chính về Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực quản lý tài chính doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-BTC ngày 22/5/2017 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định của Bộ Tài chính: số 102/QĐ-BTC, số 103/QĐ-BTC ngày 24/01/2018 Về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-BTC ngày 21/5/2019 của Bộ Tài chính Về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1707/QĐ-BTC ngày 29/8/2019 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực bảo hiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 967/QĐ-BTC ngày 25/6/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo Tờ trình số 235/TTr-STC ngày 04/6/2021 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 43 thủ tục hành chính chuẩn hóa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam.

(Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng UBND tỉnh: đăng tải nội dung Quyết định lên trang Văn bản pháp luật của tỉnh theo địa chỉ: <http://qppl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh nội dung cấu thành của từng thủ tục hành chính của các cấp tiếp nhận hồ sơ và giải quyết, cập nhật lên Trang thông tin điện tử của Sở; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh (kèm theo bản mềm đến địa chỉ email: thaoluc@gmail.com), Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ khi Quyết định này có hiệu lực để đăng tải công khai và niêm yết dữ liệu đúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của các cấp trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương; đồng thời niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã tại Bộ phận Một cửa các cấp và tổ chức thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 15/11/2018, số 2518/QĐ-UBND ngày

06/8/2019, số 2210/QĐ-UBND ngày 12/8/2020; Gạch đầu dòng thứ 7 Điều 1 và Phụ lục 07 ban hành kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC (niêm yết);
- Trung tâm QTI (QL-VH);
- CPVP, Phòng HCTC, QTTV và KTTH;
- Lưu: VT, KSTTHC (Thảo).

CHỦ TỊCH



Lê Trí Thanh



Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NAM ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN HÓA DO CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ GIẢI QUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết 01 cấp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan (địa điểm) thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cấp tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính		
						Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (13 TTHC)								
I. Lĩnh vực Quản lý ngân sách nhà nước								
1	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Không quá 02 ngày làm việc	Sở Tài chính (Địa chỉ: Số 102 đường Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam sau đây gọi là: Sở Tài chính)	Không	- Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; - Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký,	X		

					cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.			
II. Lĩnh vực Quản lý công sản								
1	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	30 Ngày	Sở Tài chính	Không	- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (Điều 14a, 14b Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ).	X		
2	Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Không quá 45 ngày làm việc (Bước 2, Bước 3)	Sở Tài chính	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; - Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam;	X		

					- Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.			
3	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết	Không quá 30 ngày làm việc đối với mỗi bước	Sở Tài chính		- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	X		
4	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê	Không quá 60 ngày làm việc	Sở Tài chính	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính;	X		

					- Quyết định số 07/2020/QĐ-BTC ngày 07/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về Quy định tài sản có giá trị lớn sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.			
5	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư	Không quá 67 Ngày làm việc	Sở Tài chính	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.	X		
6	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong Khu kinh tế	Không quá 15 ngày làm việc	Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai	Không	- Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao	X		
7	Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh	Không quá 15 ngày làm việc	Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai	Không		X		

	tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động							
8	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế	Không quá 15 ngày làm việc	Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai	Không		X		
III. Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp								
1	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	Không quá 10 ngày làm việc	Sở Tài chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; - Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg; - Thông tư số 58/2017/TT-BTC ngày 13/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số 	X		

					chính sách hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng khó khăn.			
IV. Lĩnh vực tài chính ngân hàng								
1	Thủ tục hành chính hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	Không quá 25 ngày làm việc	Sở Giao thông vận tải (thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Không	- Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; - Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát	X		

					triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.			
V. Lĩnh vực bảo hiểm								
1	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Không quá 30 ngày làm việc	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Sở Tài chính.	Không	- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/10/2010;	X		
2	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không	- Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.	X		
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)								
I. Lĩnh vực bảo hiểm								
1	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Không quá 45 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp (Bộ phận Một cửa	Không	- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/10/2010;			X

			UBND cấp xã)		- Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.			
--	--	--	--------------	--	--	--	--	--

2. Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết chung 02 cấp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan (địa điểm) thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cấp tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính		
						Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN (17 TTHC)								
I. Lĩnh vực Quản lý công sản								
1	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	23 Không quá 23 ngày làm việc	Cơ quan được giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản tạm giữ: - Sở Tài chính; - Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc	X	X	

			huyện (Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện).		phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam (<i>gọi tắt Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam</i>); - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam Ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam (<i>gọi tắt Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam</i>).			
2	Mua quyền hóa đơn	Không quá 02 ngày làm việc	- Sở Tài chính; - Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử	X	X	
3	Mua hóa đơn lẻ	Không quá 02		Không		X	X	

		ngày làm việc			dụng tài sản công.			
4	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	Không quá 30 ngày làm việc		Không		X	X	
5	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Không quá 60 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 30 ngày)	- Sở Tài chính; - Bộ phận Một cửa cấp huyện.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.	X	X	
6	Quyết định điều chuyển tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc		Không		X	X	
7	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 1 là 30 ngày, Bước 2 là	- Sở Tài chính; - Sở, Ban, ngành, Hội, Đoàn thể; cơ quan, tổ	Không		X	X	

		30 ngày, Bước 3 là 30 ngày, Bước 4 là 30 ngày)	chức, đơn vị thuộc tỉnh; - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện.					
8	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	Không quá 90 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 30 ngày, Bước 4 là 30 ngày)		Không		X	X	
9	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Không quá 14 ngày làm việc (Bước 2 là 7 ngày, Bước 3 là 7 ngày)	- Sở Tài chính; - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;	X	X	
10	Chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi	Không quá 120 ngày làm việc		Không		X	X	

	lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	(Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 90 ngày)			<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05/7/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. 			
11	Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 90 ngày)		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ; 	X	X	

					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP; - Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam., 			
12	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Không quá 120 ngày làm việc (Bước 1 là 60 ngày, Bước 2 là 30 ngày, Bước 3 là 30 ngày)	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Sở Tài chính; - Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; - Bộ phận 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; - Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10/4/2014 	X	X	

			Một cửa UBND cấp huyện.		của Bộ Khoa học và Công nghệ về Ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”; - Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 9/6/2020 của UBND tỉnh về Quy định thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.			
13	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	Không quá 90 ngày làm việc (Bước 1 là		Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ;	X	X	

		60 ngày, Bước 2 là 30 ngày)			<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.; - Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 9/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. 			
14	Xác định tiền sử dụng đất phải nộp khi người được mua, thuê mua nhà ở xã hội thực hiện bán, chuyển nhượng	Đối với Bước 3: Không quá 20 ngày làm việc.	Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế (cơ quan phối hợp: Văn phòng Đăng ký đất đai)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. 	X	X	
II. Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp								

1	Lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá	Không quá 30 ngày làm việc (Trước ngày 31 tháng 7 của năm trước).	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài chính; - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012; - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều chỉnh Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; - Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách 	X	X	
---	---	---	--	-------	--	---	---	--

					<p>nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản; - Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh về ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. 			
III. Lĩnh vực Quản lý Giá								
1	Quyết định giá	Không quá 15 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài chính; - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012; - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; - Nghị định số 	X	X	
2	Đăng ký giá của các doanh nghiệp	Không quá 05 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Các Sở: Tài chính, Y tế, Công thương; 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 	X	X	

			<p>- Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện (do phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Kinh tế hạ tầng, quản lý đô thị thực hiện).</p>		<p>149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật giá;</p> <p>- Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014;</p> <p>- Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa</p>		
--	--	--	---	--	--	--	--

					bản tỉnh Quảng Nam.			
--	--	--	--	--	---------------------	--	--	--

3. Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết chung 03 cấp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan (địa điểm) thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cấp tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính		
						Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ (12 TTHC)								
I. Lĩnh vực Quản lý công sản								
1	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	Không quá 30 ngày làm việc	- Sở Tài chính; - Sở, Ban, ngành, Hội, Đoàn thể; cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh;	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính;	X	X	X
2	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Không quá 30 ngày làm việc	- Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện;	Không	- Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam; - Quyết định số	X	X	X
3	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng	Không quá 30 ngày làm việc		Không		X	X	X

	quản lý, sử dụng tài sản công		- Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; - Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.		15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.			
4	Quyết định bán tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc		Không		X	X	X
5	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Không quá 14 ngày làm việc (Bước 1 là 7 ngày và Bước 2 là 7 ngày)		Không		X	X	X
6	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	Không quá 14 ngày làm việc (Bước 1 là 7 ngày và Bước 2 là 7 ngày)		Không		X	X	X
7	Quyết định thanh lý tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc		Không		X	X	X

8	Quyết định tiêu hủy tài sản công	Không quá 30 ngày làm việc		Không		X	X	X
9	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Không quá 60 ngày làm việc (Bước 1 là 30 ngày và Bước 2 là 30 ngày)		Không		X	X	X
10	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản	Không quá 04 ngày làm việc (Bước 2 là 2 ngày và Bước 4 là 2 ngày)	- Sở Tài chính; - Sở, Ban, ngành, Hội, Đoàn thể; cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh;	Không		X	X	X
11	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê	Không quá 04 ngày làm việc (Bước 2 là 2 ngày và	- Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện; - Cơ quan, tổ	Không		X	X	X

	tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công	Bước 4 là 2 ngày)	<p>chức, đơn vị thuộc cấp huyện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa UBND cấp xã. <p>(Nộp hồ sơ điện tử trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý vận hành hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công; - Gửi qua đường bưu điện của cơ quan trên). 					
--	--	-------------------	---	--	--	--	--	--

II. Lĩnh vực Thuế								
1	Kê khai, thẩm định Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Không quá 10 ngày làm việc	- Sở Tài nguyên và Môi trường; - Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện; - UBND phường, thị trấn hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã.	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	X	X	X